TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2019/QĐST-DS	*Long Biên, ngày 03 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 35; Điều 40; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 351; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 16/2019/TLST – DS ngày 02/5/2019 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn : Tổng công ty U**

Địa chỉ trụ sở: Số 27 H, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Q – Tổng giám đốc tổng công ty.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Trung K, sinh năm 1982; Chức vụ: Phó phòng TCQTHC Tổng công ty và ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1969, chức vụ Giám đốc xí nghiệp XD số 9 Tổng công ty (Theo giấy ủy quyền ngày 24/4/2019)

***Bị đơn : Công ty T**

Địa chỉ trụ sở: số 116 V, phường P, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H – Giám đốc công ty

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T1 – Chức vụ: Phó giám đốc; Ông Nguyễn Ngọc A – Chức vụ: Trưởng phòng tổ chức hành chính; Bà Võ Thị Hồng N- Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trường (Theo giấy ủy quyền số 392/2019/UQ-CTCP ngày 21/6/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tổng Công Ty U và Công Ty T thống nhất xác định Công ty T còn nợ Tổng Công Ty U số tiền khoản nợ gốc phát sinh hai bên trên hai hợp đồng kinh tế là 837.273.060 đồng (Tám trăm ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng). Tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến 31/5/2019 với lãi suất chận thanh toán hai bên thỏa thuận mức 9% thành tiền là **106.752.315 đồng** (Một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười lăm đồng)**. Tổng cộng gốc và lãi là 944.025.375 đồng** (Chín trăm bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

2.2. Hai bên thỏa thuận phương thức và thời hạn thanh toán như sau:

- Công Ty T cam kết thanh toán cho Tổng Công Ty U số tiền gốc 837.273.060 đồng (Tám trăm ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng) trong thời hạn 03 (Ba) tháng kể từ ngày 28/6/2019 là dứt điểm.

- Trường hợp trong hạn 03 (Ba) tháng kể từ ngày 28/6/2019, nếu Công Ty T thanh toán đầy đủ đúng hạn số nợ gốc 837.273.060 đồng (Tám trăm ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng) cho Tổng Công Ty U thì Công Ty T sẽ không phải thanh toán cho Tổng Công Ty U số tiền nợ lãi 106.752.315 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười lăm đồng)**.** Nếu vi phạm không thanh toán đầy đủ và không đúng thời hạn thì phải thanh toán cho U toàn bộ số tiền lãi 106.752.315 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười lăm đồng**.**

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công Ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.160.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Tổng công ty U số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001589 ngày 02/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công Ty T còn phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm

thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS 2015.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội.*
- VKSND quận Long Biên, Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Long Biên, Tp. Hà Nội ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng